

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

TS . Trần Quang Phú*

Nông nghiệp là một trong ba ngành sản xuất chính của Việt Nam. Người dân sống ở nông thôn chiếm khoảng 60% dân số cả nước, lực lượng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm hơn 60% tổng số lao động của cả nước. Tuy nhiên, đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 5,5% tổng vốn đầu tư, doanh nghiệp trong nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 1,4% tổng số doanh nghiệp của nền kinh tế. Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số sẽ là cơ hội để ngành nông nghiệp đổi mới với những thách thức đặt ra trong bối cảnh của cuộc cách mạng khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế. Bài viết phân tích vai trò của việc hoàn thiện thể chế của kinh tế số của đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp nông nghiệp, tác động của kinh tế số đến đổi mới sáng tạo trong kinh doanh nông nghiệp thời gian sắp tới.

Agriculture is one of the three main production sectors of Vietnam. People living in rural areas account for about 60% of the country's population, the labor force in the agricultural sector accounts for more than 60% of the total labor force of the country. However, investment in the agricultural sector accounts for only about 5.5% of total investment capital, and enterprises in agriculture account for only about 1.4% of the total number of enterprises in the economy. Innovation and digital transformation will be an opportunity for the agricultural sector to face the challenges posed in the context of the scientific and technological revolution and international integration. The article analyzes the role of institutional improvement of the digital economy of innovation in agricultural enterprises, the impact of the digital economy on innovation in agricultural business in the coming time.

Ngày gửi bài: 24/02/2025

Ngày gửi phản biện: 03/03/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 10/03/2025

Ngày chấp nhận đăng: 25/03/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i285.18>

1. Giới thiệu

Theo Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu 2019 do Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) công bố, Việt Nam xếp thứ 67 trên 141 quốc gia về năng lực đổi mới sáng tạo, đạt số điểm 61,5 điểm. Cột năng lực đổi mới tăng 6 bậc (từ thứ 82 lên thứ 76). Trong đó, mức độ thành thạo của người mua tăng 46 bậc; Mức độ phát triển các cụm công nghiệp tăng 33 bậc; Hợp tác nhiều bên tăng 17 bậc; Đa dạng về lực lượng lao động

tăng 16 bậc; Chi phí R&D tăng 6 bậc. Bên cạnh đó, có 8/12 chỉ số trụ cột hiện đang ở thứ hạng thấp. Các trụ cột được xếp hạng dưới xếp hạng năng lực cạnh tranh chung (thứ 67) bao gồm Thể chế (thứ 89); Cơ sở hạ tầng (77); Y tế (71); Kỹ năng (93); Thị trường sản phẩm (79); Thị trường lao động (83); Năng động trong kinh doanh (89) và Năng lực Đổi mới (76).

Nông nghiệp là một trong ba ngành sản xuất chính của Việt Nam. Có nhiều nghịch lý trong sản xuất nông nghiệp. Người dân sống ở nông thôn chiếm khoảng 60% dân số cả nước, lực lượng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm hơn 60% tổng số lao động của cả nước. Tuy nhiên, đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 5,5% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 1,4% tổng số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế. Trong cuộc cách mạng này, Việt Nam đã chọn nông nghiệp và du lịch làm đòn bẩy để phát triển. Công nghệ số và khoa học dữ liệu đã và đang hỗ trợ tích cực cho ngành nông nghiệp trong việc tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp để tập trung phát triển các loại cây, cây có giá trị kinh tế cao. Thông qua dữ liệu và thông tin số hóa, doanh nghiệp có thể nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và nguồn nhân lực, tăng năng suất, giám sát hiệu quả hơn quá trình sản xuất, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Một số nội dung đổi mới trong doanh nghiệp nông nghiệp

Theo Báo cáo Đổi mới sáng tạo toàn cầu 2019 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) là một khái niệm có nhiều nội dung, bao gồm 7 nhóm yếu tố: các tổ chức, nghiên

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

cứu và vốn con người, cơ sở hạ tầng, mức độ phức tạp của thị trường, mức độ phức tạp của doanh nghiệp, kiến thức và đầu ra công nghệ, đầu ra sáng tạo.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD, 2005) cũng giới thiệu bốn loại hình đổi mới liên quan đến một loạt thay đổi trong hoạt động kinh doanh, bao gồm: đổi mới sản phẩm, đổi mới quy trình, tổ chức hoạt động và đổi mới tiếp thị.

Có nhiều hình thức đổi mới, Schumpeter (1930) đã nghiên cứu năm nhóm chính của đổi mới: Đưa ra sản phẩm mới hoặc nâng cao chất lượng của sản phẩm hiện có; Đưa ra các phương pháp sản xuất mới; Phát triển thị trường mới; Phát triển nguồn cung cấp mới; Đổi mới tổ chức (Schumpeter, 1934).

Theo Johnson (2011), có hai cách chính để đổi mới: (1) đổi mới sản phẩm, (2) đổi mới quy trình.

Đổi mới sản phẩm là việc thay đổi, điều chỉnh về chức năng của sản phẩm thương mại hóa. Khi đó, sản phẩm được bổ sung thêm các chức năng mới so với các sản phẩm hiện có trên thị trường. Sự đổi mới này liên quan đến quy trình công nghệ từ thiết kế, phân phối đến thương mại hóa (Loilier, 1999).

Đổi mới quy trình: doanh nghiệp đổi mới là tạo ra các rào cản gia nhập thị trường đối với các đối thủ tiềm năng thông qua đổi mới công nghệ và tối đa hóa lợi nhuận. Điều này giúp doanh nghiệp duy trì vị thế độc quyền tương đối trên thị trường. Đổi mới là chìa khóa của sự linh hoạt và tính tiên phong của sản phẩm mới (Brown, 1998).

Đổi mới công nghệ cho phép giới thiệu sản phẩm mới cũng như thay đổi về chất lượng, giá cả và sự hài lòng của khách hàng, giúp doanh nghiệp tăng thị phần và tăng lợi nhuận của các sản phẩm liên quan.

Điều kiện quan trọng đối với các doanh nghiệp muốn đổi mới là phải có sự đầu tư vào nguồn nhân lực và R&D. Điều này xác định liệu công ty có phải là công ty dẫn đầu thị trường cho sản phẩm đó hay không (Ferrari, 2005). Đầu tư vào R&D là đầu tư mạo hiểm và khó kiểm soát hiệu quả hơn so với đầu tư thông thường do doanh nghiệp khó tính toán được chi phí và hiệu quả. Do đó, hiệu quả của đổi mới cần được đánh giá bằng cách đánh giá doanh thu từ các sản phẩm đổi mới trên thị trường. Để có sản phẩm mới trên thị trường, các doanh nghiệp cần đầu tư vốn thường xuyên thay vì vốn lưu động, để tránh mất cân đối tài chính khi đối mặt với rủi ro đổi mới (Coyne, 1996). Hiệu quả của Đổi mới cũng có thể được đo lường bằng số lượng các phát minh sáng chế có được thông qua đầu tư vào R&D.

Thực trạng đổi mới của các doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam

Thứ nhất, các doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam còn hạn chế trong việc tiếp nhận và tiếp thu công nghệ.

Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào nông nghiệp và chế biến thực phẩm còn hạn chế do thiếu nghiên cứu thực phẩm và thiếu kinh phí. Tỷ lệ đổi mới công nghệ, thiết bị của Việt Nam trong thời gian qua chỉ đạt 7%, bằng 1/2 hoặc 1/3 các nước.

Theo khảo sát tại khu vực Đồng bằng sông Hồng (gồm 10 tỉnh, thành phố với dân số khoảng 19 triệu người), các doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực nông nghiệp, nông thôn đã bắt đầu chuyển từ sản xuất nguyên liệu sang chế biến để mang lại hiệu quả cao, giá trị gia tăng để xuất khẩu sang các thị trường phát triển. Tuy nhiên, việc tiếp cận công nghệ mới áp dụng trong chế biến, sản xuất sản phẩm chất lượng cao còn nhiều trở ngại, chưa kể đến việc nghiên cứu thị trường còn khan hiếm, doanh nghiệp gặp khó khăn khi tiếp cận vốn để chuyển giao công nghệ tại Việt Nam và tiếp cận thị trường quốc tế. Đồng thời, nhiều doanh nghiệp chưa sẵn sàng đầu tư và tiến ra thị trường quốc tế, thiếu khả năng và chuyên môn để tiếp thu và hưởng lợi hiệu quả từ các đổi mới công nghệ và trong hầu hết các trường hợp, không có khả năng tiếp cận thông tin liên quan trên thị trường quốc tế.

Mặt khác, khả năng tiếp cận của các doanh nghiệp nông nghiệp với các dịch vụ tư vấn đổi mới sáng tạo còn hạn chế, chất lượng của các dịch vụ này chưa được đảm bảo. Một số nhà cung cấp dịch vụ đang nỗ lực cung cấp các gói dịch vụ này, tuy nhiên, nỗ lực của họ vẫn ở mức độ nhỏ và việc chia sẻ thông tin giữa các doanh nghiệp này chưa thực sự thường xuyên. Điều này chứng tỏ rằng thị trường vẫn còn thiếu một số lượng lớn các cách thức để cải thiện việc phổ biến các sáng kiến và ứng dụng.

Đối với các thị trường thế giới có yêu cầu khắt khe như khu vực châu Âu; Tại Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc..., nhu cầu về an toàn thực phẩm, trong khi hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nông nghiệp Việt Nam không thực hiện đúng quy trình canh tác, sản xuất, chế biến dẫn đến thực phẩm có thể chứa nhiều mầm bệnh. Đồng thời, hiện tượng tồn dư các chất độc hại, thuốc bảo vệ thực vật vượt mức tối đa cho phép diễn ra khá phổ biến. Lượng sản phẩm đưa ra thị trường còn hạn chế, sản phẩm thường dễ hư hỏng làm giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Mặc dù các tiêu chuẩn như Global GAP, HACCP, BRC, SQF và ISO 22000 đã tồn tại, nhưng không nhiều

doanh nghiệp có thể tuân theo các tiêu chuẩn này một cách tiêu chuẩn hóa.

Thứ hai, năng lực công nghệ và R&D ở các doanh nghiệp nông nghiệp còn hạn chế. Doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam vẫn thiếu ý tưởng mới, sản phẩm mới. Mặc dù mức độ hỗ trợ của Chính phủ Việt Nam trong việc tăng cường hoạt động đổi mới sáng tạo cao hơn Thái Lan và Malaysia, nhưng mức chi của các doanh nghiệp cho R&D tại Việt Nam vẫn thấp nhất trong 10 nước được so sánh.

Các doanh nghiệp chưa quan tâm nhiều đến hoạt động R&D, do phần lớn là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thấp. Chỉ có 17,3% doanh nghiệp được coi là hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao. Đây là thực trạng chung của nhiều mặt hàng Việt Nam xuất khẩu hiện nay, khi hoạt động đổi mới sáng tạo còn quá khiêm tốn, dù công nghiệp chế biến là điểm sáng của hoạt động xuất khẩu. Ngành khoa học và công nghệ đã đóng góp trên 30% giá trị gia tăng trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và 38% giá trị gia tăng trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi. Theo khảo sát của nhóm nghiên cứu Trường Đại học Kinh tế Quốc dân năm 2018, số doanh nghiệp nông nghiệp đầu tư vào R&D chỉ chiếm 17,3% trên tổng số gần 500 doanh nghiệp, hợp tác xã được khảo sát. Đây là rào cản đối với toàn ngành nông nghiệp nói chung và các doanh nghiệp nông nghiệp nói riêng trong quá trình thực hiện vai trò của mình đối với nền kinh tế trong bối cảnh mới (Hà Anh, 2019).

Thứ ba, các doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam thiếu nguồn lực tài chính cho hoạt động đổi mới sáng tạo.

Việc huy động các nguồn lực tài chính đủ lớn cho các hoạt động đổi mới công nghệ vẫn còn rất khó khăn. Ngoài ra, doanh nghiệp còn bị động về thông tin và kinh nghiệm chuyên gia công nghệ.

Trong số 463 doanh nghiệp nông nghiệp được khảo sát, có 306 doanh nghiệp tiếp nhận công nghệ mới trong 3 năm qua (2017 - 2020), chiếm 66,1%. Trong đó, có 30 doanh nghiệp tiếp nhận công nghệ thông qua đặt hàng trực tiếp từ các trường đại học, viện nghiên cứu (chiếm 9,8%); 30 doanh nghiệp mua công nghệ trực tiếp từ nước ngoài (chiếm 9,8%); 215 doanh nghiệp mua công nghệ từ thị trường trong nước (70,3%); 11 doanh nghiệp mua kết hợp nhiều nguồn trong và ngoài nước (3,6%) và 20 doanh nghiệp (6,5%) mua kết hợp nhiều nguồn khác. Thực tế này cho thấy, các doanh nghiệp nông nghiệp tìm kiếm công nghệ từ thị trường trong nước nên việc thúc đẩy

hơn nữa thị trường KH&CN trong nước là rất quan trọng. (Hà Anh, 2019).

Thứ tư, các doanh nghiệp nông nghiệp ở Việt Nam có quy mô lao động nhỏ.

Số liệu thống kê cho thấy, tính tất cả các doanh nghiệp trong cả nước, số doanh nghiệp dưới 10 lao động chiếm 68%, từ 10 đến 49 người chiếm 25% và từ 50 đến 199 người chiếm 5%. Như vậy, có tới 93% doanh nghiệp có dưới 50 lao động và 98% doanh nghiệp có dưới 200 lao động. Số doanh nghiệp có quy mô lao động từ 200 người trở lên chỉ chiếm 2%. Điều này gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc nâng cao năng lực đầu tư, cải tiến, nâng cấp công nghệ theo kịp yêu cầu phát triển của đất nước.

Tuy nhiên, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 có thể mang lại nhiều cơ hội tăng trưởng nhanh cho các doanh nghiệp nhỏ, vừa và thậm chí siêu nhỏ ngay khi các startup có ý tưởng tốt, do có đủ điều kiện để triển khai. Thế hệ ý tưởng bây giờ thuận lợi hơn ngày xưa rất nhiều. Nguồn nhân lực của các doanh nghiệp cũng cho thấy, tỷ lệ cán bộ nghiên cứu, kỹ thuật trong các doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp quy mô lớn, chưa đến 40%. Đối với doanh nghiệp quy mô vừa, nhân lực kỹ thuật chỉ chiếm 36,4%, tiếp theo là nhân viên cấp dưỡng với 29,5%. Phần còn lại là nhân lực cho các vị trí công việc thông thường khác.

Thứ năm, các doanh nghiệp nông nghiệp đang thiếu sự liên kết với các bên trong hoạt động đổi mới sáng tạo.

Một số lượng lớn các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay đã có ý thức và nỗ lực đổi mới, nhưng chưa nhận được sự hợp tác và hỗ trợ cần thiết từ các trường đại học và cơ quan nghiên cứu. Chìa khóa để thúc đẩy đổi mới là tăng cường lưu thông, liên kết các ý tưởng và phối hợp thực hiện giữa các thành phần của xã hội. Tuy nhiên, đây là điểm yếu cơ bản của Việt Nam, khi vẫn chưa có sự phối hợp hiệu quả giữa ba chủ thể chính cần tham gia vào nỗ lực đổi mới: doanh nghiệp, trường học và cơ quan nghiên cứu, và Chính phủ. Đặc biệt, sự phối hợp giữa doanh nghiệp với các trường đại học và các tổ chức nghiên cứu còn rất yếu. Trong số 463 doanh nghiệp được khảo sát, tỷ lệ doanh nghiệp liên kết với các đối tác trong chuỗi cung ứng (đầu vào, đầu ra, ngân hàng, nông dân...) dao động ở mức 50-70%. Tuy nhiên, tỷ lệ doanh nghiệp liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu còn khá khiêm tốn, chỉ 17%.

Kết luận

Trong nền kinh tế số, đổi mới sáng tạo là nội dung cốt lõi và chính. Theo đó, hoạt động đổi mới

sáng tạo gắn với kinh tế số đã có nhiều thay đổi về nội dung, phương thức và nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nông nghiệp.

Bên cạnh đó, trong hoạt động đổi mới sáng tạo gắn với nền kinh tế số, ưu điểm vượt trội của Công nghiệp 4.0 đã nâng cao hiệu quả và năng lực sáng tạo trong nền kinh tế, trực tiếp là lĩnh vực nông nghiệp. Thông qua chuyển đổi kỹ thuật số, các doanh nghiệp có thể hiểu được hành vi và mong đợi của khách hàng và người tiêu dùng để hoàn thiện sản phẩm và dịch vụ, cải tiến phương thức phân phối, bảo hành và duy trì sản phẩm và dịch vụ. Cũng thông qua dữ liệu và thông tin số hóa, doanh nghiệp có thể nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và nguồn nhân lực, tăng năng suất, giám sát hiệu quả hơn quá trình sản xuất và bảo trì sản phẩm. Tăng hiệu quả sử dụng tài sản và năng suất về lâu dài vẫn là những yếu tố quan trọng quyết định đến khả năng cạnh tranh.

Để hoàn thiện thể chế phát triển kinh tế số thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp nông nghiệp, cần thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện chính sách, pháp luật để thúc đẩy sự gắn kết của các bên trong sản xuất nông nghiệp.

Để nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp nông nghiệp, cần tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các trường đại học, viện nghiên cứu theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm; Trường đại học là chủ thể nghiên cứu, coi nghiên cứu là nhiệm vụ bắt buộc. Chính phủ cần quan tâm đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm và hình thành các trường đại học nghiên cứu mạnh. Đổi mới chủ yếu phải đến từ các nguồn lực của thị trường tự do. Đầu tư của Nhà nước chỉ nên dành cho các giải pháp sáng tạo trong khu vực công, hoặc đóng vai trò là nền tảng ban đầu để tạo định hướng cho khu vực tư nhân tham gia.

Thứ hai, ban hành chính sách tạo môi trường và cơ chế thông thoáng để thu hút vốn đầu tư từ các vùng khác vào lĩnh vực nông nghiệp. Bao gồm: Sửa đổi Luật Giao dịch điện tử theo hướng bổ sung nhiều nội dung mới về nền kinh tế số phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành nông nghiệp; xây dựng Nghị định của Chính phủ về quản lý nền kinh tế nền tảng và kinh doanh trên Internet; hoàn thiện và ban hành Nghị định về định danh và xác thực điện tử; hoàn thiện và trình phê duyệt Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân; ban hành các văn bản về quy tắc ứng xử trên môi trường số cũng như các quy định tạo niềm tin và đánh giá tín nhiệm trên không gian mạng.

Thứ ba, xây dựng và ban hành các chiến lược, chương trình quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số, bao gồm: Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số; Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số tại Việt Nam; Chiến lược Dữ liệu số Quốc gia; Chương trình hỗ trợ đại học cho doanh nghiệp; và Chương trình Đào tạo và Phát triển Kỹ năng Số Quốc gia. Chiến lược phát triển hạ tầng kỹ thuật số quốc gia; Chiến lược phát triển bưu chính; Chiến lược An ninh mạng Quốc gia.

Thứ tư, ban hành cơ chế, chính sách thúc đẩy phong trào khởi nghiệp chú trọng sáng tạo với những ý tưởng mới trong lĩnh vực nông nghiệp.

Các biện pháp chính sách cần tập trung khuyến khích các hoạt động đầu tư nâng cao trình độ và khả năng ứng dụng khoa học công nghệ trong doanh nghiệp. Đây là một cách hiệu quả để tạo nền tảng cho sự đổi mới và thúc đẩy tăng trưởng nhanh chóng dựa trên những ý tưởng và sáng kiến mới. Do số lượng doanh nghiệp thành lập mới của Việt Nam tăng lên tương đối nhanh trong những năm gần đây.

Tuy nhiên, hầu hết các doanh nghiệp nông nghiệp hiện có của Việt Nam là doanh nghiệp nhỏ, tiềm lực vô cùng hạn chế về vốn, lao động cũng như trình độ khoa học công nghệ. Do bản chất của doanh nghiệp khởi nghiệp là hướng tới tốc độ tăng trưởng nhanh nên yếu tố đổi mới sáng tạo là yếu tố then chốt để xác định doanh nghiệp khởi nghiệp đúng đắn. Từ đó, cần có chính sách khuyến khích phù hợp để giúp các doanh nghiệp này thực sự đi đúng hướng và tận dụng được cơ hội của bối cảnh phát triển

Tài liệu tham khảo:

- Hà Anh (2019), <https://dangcongson.vn/kinh-te/day-manh-doi-moi-sang-tao-trong-doanh-nghiep-nong-nghiep-520625.html>
- Brown, S. (1998), "Cạnh tranh bên lề: Chiến lược như sự hỗn loạn có cấu trúc", Nhà xuất bản Trường Kinh doanh Harvard.
- Brown M. và cộng sự. (2012). "Làm thế nào để các ngân hàng sàng lọc các công ty sáng tạo? Bằng chứng từ dữ liệu bằng khởi động", *Tạp chí điện tử SSRN*, doi: 10.2139/ssrn.2063395.
- Bùi Nhật Quang (2017), "Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư", *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 10.
- Cheah S., Ho YP và Lim P. (2016). "Vai trò của khoa học công nghệ trong việc thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới và khởi nghiệp ở Singapore", *Chính sách Nghiên cứu Châu Á*, Vol. 7, số 1, trang 78-93.
- Chesbrough, HW (2010). *Đổi mới mô hình kinh doanh: cơ hội và rào cản. Kế hoạch tầm xa*, 43 (2/3), 354-363.
- Chesbrough, HW và Rosenbloom, RS (2002). *Vai trò của mô hình kinh doanh đổi mới với giá trị capturing từ sự đổi mới: bằng chứng từ các Công ty phát triển công nghệ của Tập đoàn Xerox. Thay đổi Công nghiệp và Doanh nghiệp*, 11 (3), 529-555.
- Cooper, R. (2005). "Đổi mới sản phẩm có lợi", *L/V/V/Shavina, Sổ tay quốc tế về đổi mới*, Pergamon.
- Đại học Cornell, INSEAD, WIPO, "Chỉ số đổi mới toàn cầu (GII) 2019".
- Danneels, D. (2002). "Động lực của Đổi mới Sản phẩm và Năng lực Doanh nghiệp", *Tạp chí Quản lý Chiến lược*, Vol. 23, tr.1095.
- David, B. (1997), "Các công cụ quản lý đổi mới: Đánh giá các phương pháp luận đã chọn", *Cộng đồng Châu Âu. Luxembourg*.
- D'Aveni, RA (1994). "Siêu cạnh tranh: Quản lý động lực của cơ chế chiến lược", New York: The Free Press.
- Dess, Gregory G., Joseph C. Picken (2000), "Thay đổi vai trò: Lãnh đạo trong thế kỷ 21", *Động lực tổ chức: Mùa đông 2000*: 18-34.
- Ferrari, M. (2005), "Le management des Equipés de R&D entre Organization et contrat d'incitation: l'essaimage chiến lượcique", *Gestion*, Vol. 30.
- Foster, R. (1986). "Đường cong chữ S: Một công cụ dự báo mới", *Chương 4 trong Đổi mới, Lợi thế của Kế toán công*, Sách của Hội nghị thượng đỉnh, Simon và Schuster, New York, 88-111.
- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2018.
- PX Nhà, L. Quân (2013), "Nghiên cứu thực trạng đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp Việt Nam", *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh doanh*, Tập 29, Số 4, 1-11.